

第 6-10 课复习

名字:

一、Viết pinyin và chọn ảnh đúng với nghĩa của từ:

商店	公司	火锅	出差	这里	厕所



二、Nối

- | | |
|---------------------|-----------|
| 1. 这是谁的书? | A. 二月十五号。 |
| 2. 你要去哪儿? | B. 我朋友的书。 |
| 3. 请问, 购物中心楼上有什么商店? | C. 去书店买书。 |
| 4. 我们几点出发? | D. 有咖啡店。 |
| 5. 老板几月几号去河内出差? | E. 差一刻三点。 |

三、Chọn đáp án đúng:

1. 我家他家旁边。

- A. 多 B. 都 C. 要 D. 在

2. 我们明天8 点上班。

- A. 楼上 B. 早上 C. 下午 D. 下楼

3. 火锅店在厕所的

- A. 左边 B. 左右 C. 上下 D. 中间

4. 明天是星期日，我们吧。

- A. 买东西 B. 下班 C. 休息 D. 买书

5. 下个周末，我要跟范总一起去胡志明市

- A. 出差 B. 吃饭 C. 买书 D. 养狗

6. 下个星期我很忙，因为总经理我一个人去出差。

- A. 一起 B. 吩咐 C. 上班 D. 牛排

7. 这家公司的待遇^{dãi yù}好

- A. 太了 B. 跟一起 C. 跟说

^{dãi yù}
*待遇: dãi ngộ

8. 他我: 明年他会回中国。

- A. 太了 B. 跟一起 C. 跟说

四、Dựa vào tranh và trả lời câu hỏi:

3.1. 现在是几点?



--	--	--

3.2. 今天是几月几号?



--	--	--

五、Dịch:

1. Cuối tuần trước là sinh nhật của Tiểu Mỹ.

.....

2. Thứ 6 tuần này chúng ta đi trung tâm thương mại chơi nhé. (玩^{wán})

.....

3. 7h sáng thứ 4 ngày 16 tháng 9 chúng ta xuất phát.

.....

4. Hiệu sách ở tầng dưới, bên trái quán lẩu Trung Quốc.

.....